

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-09-2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 119/2025/TLST-HN&GD, ngày 20 tháng 06 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/05/2025, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Lương Thị L trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Liên kết H với ông Nguyễn Duy T vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng). Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó bắt đầu xảy ra mâu

thuần do ông T không lo làm ăn thường xuyên cờ bạc, rượu chè rồi đánh đập bà L, đến năm 2023 bà L và ông T sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy, bà L làm đơn ly hôn với ông T.

*Về con chung:* Bà L và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày 31/10/2010 và cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 28/3/2013. Từ khi ly thân cho đến nay, 02 con ở với bà L nên khi ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T1 và cháu P đến tuổi trưởng thành, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn ông Nguyễn Duy T:* Qua xác minh tại chính quyền địa phương, ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (cũ) nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Tại thời điểm xác minh ông T hay đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Duy T. Tuy nhiên ông T không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được với ông T, không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự với nhau.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Lương Thị L đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày 31/10/2010 và cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 28/3/2013 cho bà L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lương Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút nay là Tòa án nhân dân khu vực 9- Lâm Đồng giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Duy T, ông T là bị đơn có nơi cư trú tại thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (cũ) nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 09/09/2025 HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Liên kết H với ông Nguyễn Duy T vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng). Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà L, năm 2010 bà L và ông T kết hôn. Tuy nhiên,

hiện nay quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi bà L và ông Tân sinh S, chính quyền địa phương cho biết: Đối với mâu thuẫn vợ chồng của bà L, ông T chính quyền địa phương không nắm được; bà L, ông T hay đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà L xin được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày 31/10/2010 và cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 28/3/2013, thể hiện trách nhiệm người mẹ với con cái. Hội đồng xét xử thấy, qua biên bản lấy lời khai của cháu T1 và cháu P1 các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà L, sau khi ly thân bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T1 và cháu P cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[3.4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### ***Xử:***

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lương Thị L được ly hôn ông Nguyễn Duy T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Quỳnh T1, sinh ngày 31/10/2010 và cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 28/3/2013 cho bà L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn bà L, ông T có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Buộc bà Lương Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008455, ngày 20 tháng 06 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Lâm Đồng.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9 – Lâm Đồng;
- UBND xã Nam Dong;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nông Thị Hương**

